TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HSST
Ngày 13 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim TH;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Miền Cán bộ nghỉ hưu

Bà Lê Thị Cần Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13/11/2019, tại Trụ sở,Tòa án nhân dân (TAND) huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Phan Văn T (H) Sinh năm 1991, tại Hoài Ân, Bình Định

Địa chỉ: Làng O, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông Trình độ học vấn: 9/12

Con ông Phan Văn K; Con bà Thái Thị L; Vợ Nguyễn Thị Thu H; Có 2 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại đang bị áp dụng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về tội " *Cố ý gây thương tích*" theo Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

- *Người bị hại*: Anh Lê Văn H Sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/Anh Phạm Ngọc T Sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Thôn M Đ, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

2/ Anh Hoàng Văn L Sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Làng O, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

- *Người làm chứng:*

1/ Chị Thái Thị Thúy D Sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Làng B, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

2/ Chị Nguyễn Thị L Sinh năm 1982. Vắng mặt
3/Chị Bùi Thị N Sinh năm 1978. Có mặt
Cùng địa chỉ: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:**

Do có mâu thuẫn và cãi nhau, xô xát từ trước nên vào khoảng 09 giờ 00 ngày 06/4/2019, tại khu vực chợ Ia D thuộc thôn Mook Đ, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Phan Văn T đã có hành vi dùng dao rựa chém liên tiếp 03 nhát vào tay, chân anh Lê Văn H là người cùng buôn bán thịt heo tại chợ Ia D gây thương tích tổn hại cho sức khỏe cho anh Lê Văn H là 24%.

Tại Bản Cáo trạng số: 27/CTr-VKS ngày 03/10/2019 của VKSND huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội " Cố ý gây thương tích " theo Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của BLHS 2015;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội " Cố ý gây thương tích " theo Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của BLHS

*Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị HĐXX áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 38,50; Điểm b,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, 54 BLHS 2015, Xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 18-24 (Mười tám đến hai mươi bốn) tháng tù.

*Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Tình tiết giảm nhẹ: Có 2 tình tiết giảm nhẹ qui định tại Điểm b,s Khoản 1 Điều 51 BLHS là " Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả" và " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải " và 2 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 là có hoàn cảnh gia đình khó khăn; Người bị hại cũng có một phần lỗi

- Nhân thân: Là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự

* Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 con dao loại dao rựa dùng để phát rẫy, dài 105cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại màu xám trắng dài 30cm, lưỡi dao sắc, mũi cong, phần rộng nhất là 5cm, dày 01cm; phần cán được làm bằng gỗ le hình trụ tròn dài 75cm, đường kính 3,5cm; phần tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao được bọc bằng 01 miếng kim loại màu xám trắng dài 7,7cm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (CQ CSĐT) xác định là hung khí mà Phan Văn T dùng để gây thương tích cho ông Lê Văn H. Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, BKS: 81E-007.72, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ-đen, SM: 5C64195051, SK: C6409Y195055, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Ngọc T, T mượn xe đi mua dao thì anh T không biết. Do đó, CQ CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng số 31 ngày 03/9/2019, trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Phạm Ngọc T là đúng qui định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận.

*Về bồi thường dân sự:

Bị hại ông Lê Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên qua tài liệu chứng từ mà người bị hại cung cấp, Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 584,585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại gồm:

- Tiền thuốc: 18.400.000đ

Ngày công lao động bị thất thu do phải nghỉ để điều trị vết thương: 50 ngày x 190.000đ/ngày = 9.500.000đ

- Ngày công của người đi chăm sóc: 20 ngày x 120.000đ/ngày = 2.400.000đ
- Tiền mua đinh chốt: 800.000đ
- Găng nẹp tay: 500.000đ
- Tiền thuốc điều trị sau khi ra viện: 2.000.000đ
- Tiền xe đi lại: 1.600.000đ
- Tiền phục hồi sức khỏe: 2.000.000đ
- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 10 tháng lương cơ bản x 1.490.000đ/tháng = 14.900.000đ

Tổng cộng: 52.100.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm ngàn đồng). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại là 42.100.000đ (Bốn mươi hai triệu một trăm ngàn đồng)

Đối với số tiền sắp tới đi viện phẩu thuật (theo yêu cầu của người bị hại) là 86.980.000đ (Tám mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng) là không có căn cứ nên không đề nghị HĐXX xem xét

* *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo pháp luật qui định.

Tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì tranh luận đối với Cáo trạng của Viện kiểm sát, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 06/4/2019, Phan Văn T đang ở tại kiôt thuê gần cổng chợ Ia D thuộc Thôn Mook Đ, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì anh Lê Văn H là người buôn bán thịt heo trong chợ đến để nói chuyện về khoản tiền mà anh H nợ T trước đó, hai bên lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát. Được mọi người can ngăn, anh H

bỏ đi vào trong khu vực chợ Ia D, do bực tức với hành vi thách thức của anh H, T mượn xe mô tô BKS 81E1-007.72 của anh Phạm Ngọc T, trú tại: Thôn Mook Đ, xã Ia D trước đó đi đến lò rèn của anh Hoàng Văn Linh, trú tại: Làng Ó, xã Ia D mua một con dao rựa dài khoảng 01m, rồi về ngồi trước ki ốt T thuê bán bánh mì mục đích chờ anh H đi ra để chém. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, khi thấy anh H đi xe máy từ trong chợ đi ra, T cầm dao rựa vừa mới mua rượt đuổi chém anh H, anh H dựng xe máy và bỏ chạy vào trong chợ thì bị vấp ngã, T chạy đến cầm dao chém 02 nhát vào chân phải và 01 nhát vào tay trái của anh H. Thấy anh H bị chảy máu thì T dừng lại không chém nữa và được mọi người ra can ngăn thì T đi vứt con dao rựa rồi về nhà, còn anh H thì được mọi người đưa đi cấp cứu.

[3] Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 306/CT-BV ngày 10/06/2019 của Bệnh viện quân y 211 thuộc Cục hậu cần Quân đoàn 3, xác nhận anh Lê Văn H, sinh năm 1975 có địa chỉ tại xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào nhập viện lúc 10h48 phút ngày 06/04/2019, với tình trạng thương tích: Tỉnh táo, tiếp xúc tốt. Vết thương lóc da, lộ gân xương mu tay trái, kích thước 5 x 10cm. Vết thương gan bàn tay trái kích thước 2 x 5cm. Vết thương bàn chân phải kích thước 2 x 5cm bờ mép gọn.

- Chụp X quang: Gãy thân xương bàn II bàn tay trái, di lệch nhiều, có mảnh xương rời

Ra viện ngày 16/04/2019 với tình trạng tỉnh táo, các vết thương còn nề, chưa cắt chỉ, vận động các ngón tay trái hạn chế, cảm giác bình thường

[4] Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/2019/PY-TgT ngày 19/06/2019 của Trung T pháp y sở y tế tỉnh Gia Lai, kết luận:

Ba sẹo vết thương phần mềm: Một vết cổ mu bàn tay trái kích thước (16x0,5)cm; Một vết gan tay trái dọc kẽ ngón II kích thước (5,5x0,2)cm và một vết bờ trong gan bàn chân kích thước (3x0,2)cm, sẹo liền: 9%.

-Gãy xương bàn II bàn tay trái đã kết hợp xương: 8%.

-Đứt gân duỗi ngón II bàn tay trái đã khâu nối ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ nhiều: 5%.

-Đứt gân duỗi ngón III bàn tay trái đã khâu nối ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ nhiều: 5%.

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 24% (áp dụng theo Thông tư 20/2014/TT-BYT).

[5]Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ việc bị cáo cho ông H vay tiền nhưng ông H chây ỳ không chịu trả đồng thời có những lời lẽ chửi bới thách thức dẫn đến bị cáo bức xúc sử dụng dao rựa là hung khí nguy hiểm chém ông H gây tổn hại sức khỏe 24%. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 2 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là " Sử dụng hung khí " và " Phạm tội có tính côn đồ ". Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng Pháp luật

[6] Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phan Văn T

đã phạm vào tội " Cố ý gây thương tích " qui định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của BLHS năm 2015.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

……..

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

……

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này…"

[7] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại bất hợp pháp đến tính mạng, sức khỏe của những người người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho nhân dân Hng mang, lo sợ không yên T kinh doanh buôn bán, do đó phải nghiêm trị để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[8] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo

- Về nhân thân: Bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Không có
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại Điểm b,s Khoản 1 Điều 51 BLHS là " Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả" và " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải " và có 02 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 BLHS là: Người bị hại cũng có lỗi; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đồng thời cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt là phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước.
- Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội của bị cáo. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã xác định 01 con dao loại dao rựa dùng để phát rẫy, dài 105cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại màu xám trắng dài 30cm, lưỡi dao sắc, mũi cong, phần rộng nhất là 5cm, dày 01cm; phần cán được làm bằng gỗ le hình trụ tròn dài 75cm, đường kính 3,5cm; phần tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao được bọc bằng 01 miếng kim loại màu xám trắng dài 7,7cm là hung khí mà Phan Văn T dùng để gây thương tích cho Lê Văn H, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 81E-007.72, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ-đen, SM: 5C64195051, SK: C6409Y195055, xe đã qua sử dụng. CQ

CSĐT xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Ngọc T cho T mượn từ chiều hôm trước, hôm sau T lấy xe đi mua dao thì anh T không biết. Do đó, CQ CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng số 31 ngày 03/9/2019, trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Phạm Ngọc T là đúng qui định nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Do không hiểu biết về pháp luật, nghe người khác nói cứ kê khai yêu cầu bồi thường của bản thân, Tòa án sẽ buộc bị cáo phải bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho ông theo pháp luật qui định. Căn cứ các tài liệu chứng cứ người bị hại đã nộp cho CQ CSĐT, HĐXX có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại những chi phí cụ thể sau đây:

- Tiền thuốc: 18.400.000đ

Ngày công lao động bị thất thu do phải nghỉ để điều trị vết thương: 50 ngày x 190.000đ/ngày = 9.500.000đ

- Ngày công của người đi chăm sóc: 20 ngày x 120.000đ/ngày = 2.400.000đ
- Tiền mua đinh chốt: 800.000đ
- Găng nẹp tay: 500.000đ
- Tiền thuốc điều trị sau khi ra viện: 2.000.000đ
- Tiền xe đi lại: 1.600.000đ
- Tiền phục hồi sức khỏe: 2.000.000đ
- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 10 tháng lương cơ bản x 1.490.000đ/tháng = 14.900.000đ

Tổng cộng: 52.100.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm ngàn đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền còn phải tiếp tục bồi thường là 42.100.000đ (Bốn mươi hai triệu một trăm ngàn đồng)

Đối với số tiền 86.980.000đ để thực hiện phẫu thuật trong thời gian tới (theo yêu cầu của người bị hại) là không có căn cứ. Nếu sau này người bị hại thực hiện phẫu thẫu, có đơn yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Đối với người có quyền lợi nghĩa vị liên quan: Anh Nguyễn Minh T cho Phan Văn T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội, anh Hoàng Văn Linh không biết việc T đi mua dao để gây thương tích cho ông H nên cơ quan CSĐT không xử lý về hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật qui định.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo pháp luật qui định

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T(H) phạm tội " Cố ý gây thương tích"

- Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 38,50 Điểm b,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Phan Văn T: 18(Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng Điều 584,585,586,590 BLDS 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn H những khoản chi phí sau đây:

- Tiền thuốc: 18.400.000đ

- Ngày công lao động bị thất thu do phải nghỉ để điều trị vết thương: 50 ngày x 190.000đ/ngày = 9.500.000đ

- Ngày công của người đi chăm sóc: 20 ngày x 120.000đ/ngày = 2.400.000đ

- Tiền mua đinh chốt: 800.000đ

- Găng nẹp tay: 500.000đ

- Tiền thuốc điều trị sau khi ra viện: 2.000.000đ

- Tiền xe đi lại: 1.600.000đ

- Tiền phục hồi sức khỏe: 2.000.000đ

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 10 tháng lương cơ bản x 1.490.000đ/tháng = 14.900.000đ

Tổng cộng: 52.100.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm ngàn đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền còn phải tiếp tục bồi thường là 42.100.000đ (Bốn mươi hai triệu một trăm ngàn đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử tịch thu tiêu hủy vật chứng bị cáo sử dụng gây thương tích cho người bị hại và không giá trị sử dụng sau đây: 01 con dao loại dao rựa dùng để phát rẫy, dài 105cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại màu xám trắng dài 30cm, lưỡi dao sắc, mũi cong, phần rộng nhất là 5cm, dày 01cm; phần cán được làm bằng gỗ le hình trụ tròn dài 75cm, đường kính 3,5cm; phần tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao được bọc bằng 01 miếng kim loại màu xám trắng dài 7,7cm.

(Đặc điểm của vật chứng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Tỉnh Gia Lai.)

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23,26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.105.000đ (Hai triệu một trăm linh năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án Sơ thẩm (13/11/2019).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, STP
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người Bị hại, Người LQ
- Lưu HS THA;
- CCTHADS
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ KIM TH